



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

Mã	KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2011
	TÀI SẢN		
	Tài sản cố định		
010	Tài sản cố định vô hình - Giá trị cửa hàng		
014	Tài sản cố định vô hình - khác		
028	Tài sản cố định hữu hình	299.900.000	311.322.000
028a	Khấu hao tài sản	(222.500.000)	(287.752.000)
040	Tài sản tài chính (cho vay)	1.899.850.000	1.717.150.000
044	Tổng tài sản (I)	1.977.250.000	1.740.720.000
	Tài sản lưu động (II)		
050	Nguyên vật liệu, hàng hóa dở dang tồn kho		
060	Hàng hoá tồn kho		
064	tiền ứng trước theo đơn đặt hàng		
068	Trái quyền khách hàng và các TK liên quan khác		
072	Các trái quyền khác	880.040.646	33.000.000
084	Tiền gửi ngân hàng	287.521.724	1.275.869.002
088	Tiền tại quỹ	146.102.259	97.165.920
092	Chi phí trả trước		
096	Cộng II	1.313.664.629	1.406.034.922
110	TỔNG CỘNG (I+II)	3.290.914.629	3.146.754.922
	Vốn hoạt động		
120	Vốn xã hội hay cá nhân	1.538.825.068	1.538.825.068
124	Chênh lệch về đánh giá lại		
126	Dự trữ pháp định		
130	Dự phòng theo quy định		
132	Dự trữ khác		
134	Chuyển sang niên độ mới	1.368.664.214	1.226.673.575
136	Kết quả niên độ	260.618.907	141.990.639
140	Dự phòng theo quy định		
142	Tổng vốn hoạt động (I)	3.168.108.189	2.907.489.282



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

Mã	KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2011
	NỢ		
154	Dự phòng rủi ro và chi phí		
156	Tiền vay và các khoản nợ liên quan		
164	Tạm ứng và trả trước theo đơn đặt hàng		
166	Phải trả nhà cung cấp và các khoản liên quan		
172	Các khoản nợ khác	122.806.440	239.265.640
174	Lợi tức nhận trước		
176	Cộng II	122.806.440	239.265.640
180	TỔNG CỘNG (I+II)	3.290.914.629	3.146.754.922

TP HCM Ngày 31 tháng 12 năm 2012

QUYỀN GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Chúc



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012

<u>Mã</u>	<u>Diễn giải</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	THU NHẬP		
70	Bán sản phẩm	1.000.000	1.100.000
	701 Bán sản phẩm		
	703 Bán tài sản	1.000.000	1.100.000
71	Cung cấp dịch vụ		
72	Đánh giá lại tài sản		
74	Trợ cấp hoạt động	5.732.778.425	4.783.357.349
	Trợ cấp từ các nhà tài trợ	5.704.806.658	4.744.986.349
	778 Trợ cấp khác	27.971.767	38.371.000
76	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	45.301.100	71.289.845
	766 Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ		63.655
	768 lãi ngân hàng	27.126.100	54.151.190
	768a lãi tín dụng	18.175.000	17.075.000
	Tổng thu nhập	5.779.079.525	4.855.747.194
	CHI PHÍ		
60	Mua vật liệu	154.253.102	180.094.103
	601 Mua nguyên liệu	47.938.000	83.982.500
	602 Mua vật liệu khác, công cụ nhỏ	90.696.100	83.558.350
	606 Mua năng lượng	15.619.002	12.553.253
61	Chi phí dịch vụ	1.842.811.676	1.999.385.959
	613 Chi phí cư trú	54.651.000	39.553.000
	615 Chi phí sửa chữa, nhiên liệu	247.101.750	230.999.200
	617 Chi phí đào tạo & dụng cụ , VPP	1.409.257.726	1.607.127.635
	618 Chi phí khác	131.801.200	121.706.124
62	Chi phí di chuyển và dịch vụ khác	138.917.555	91.598.453
64	Chi phí nhân viên	2.187.002.400	1.513.017.967
65	Chi phí quản lý khác		
66	Chi phí tài chính	190.598	540.073
66	Chi phí chênh lệch tỷ giá	65.287	
67	Chi phí khác	1.145.850.000	901.400.000
68	Chi phí khấu hao tài sản	49.370.000	27.720.000
	Tổng chi phí	5.518.460.618	4.713.756.555
	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	260.618.907	141.990.639
	Thuế thu nhập		
	LỜI / LỖ	260.618.907	141.990.639

(*) Số cộng của TK 602,605
TP HCM Ngày 31 tháng 12 năm 2012

QUYỀN GIÁM ĐỐC



**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT TỈNH HẬU GIANG
TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
ÁNH DƯƠNG**

CMT8-Long My ĐT/Fax:(0711 3871869)Email:anhduong.longmy@gmail.com
www.anhduonghg.org

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012**

1. Đặc điểm của đơn vị

Hình thức :Trung tâm hỗ trợ và phát triển cộng đồng Ánh Dương (gọi tắt TT Ánh Dương) là một Tổ chức xã hội, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Hậu Giang theo quyết định số 16 QĐ/ LHH ngày 30 tháng 09 năm 2008.

Lĩnh vực hoạt động : tư vấn, đào tạo và hỗ trợ phát triển nông thôn

Phạm vi hoạt động : Tỉnh Hậu Giang

2. Hình thức tổ chức sổ sách : Dùng phần mềm WBILAN của Công ty phần mềm kế toán COTE QUEST - FRANCE dùng để theo dõi quỹ tài trợ và hoạt động được ghi trong giấy phép số 16 QĐ/ LHH ngày 30 tháng 09 năm 2008.

3. Các chi tiêu tài chính :

Các chi tiêu tài chính dưới đây đã và đang được thực hiện tại Tỉnh Hậu Giang

3.1. Tài sản hoạt động

Tài sản bao gồm tất cả giá trị dụng cụ làm việc có giá trị lớn hơn 10.000.000 đồng. Một số tài sản được thanh lý do không còn giá trị sử dụng cũng như trước đây đã không thực hiện việc khấu hao tài sản:

	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Tài sản và dụng cụ làm việc	311.322.000	103.200.000	114.622.000	299.900.000
Tại Văn phòng	110.692.000	13.200.000	46.572.000	77.320.000
TT vi tính tại Ánh Dương	200.630.000	90.000.000	68.050.000	222.580.000

ĐVT:vnd

3.2. Khấu hao tài sản

Tổng số tiền khấu hao năm 2012 là: 49.370.000 đ .

3.3. Tình hình nhân viên

	Năm 2012	Năm 2011
Tổng số nhân viên (người):	25	24
Tổng thu nhập của nhân viên (đ):	1.717.963.000	1.116.506.167
Bình quân thu nhập (đồng/người/tháng):	4.030.000	3.876.758

Chính sách tăng lương hàng năm vẫn không thay đổi. Tuy nhiên bình quân thu nhập năm 2012 tăng 4% so với năm 2011 một phần do trượt giá trong năm. Từ tháng 7 năm 2009 TT Ánh Dương đã tham gia chế độ BHXH cho toàn thể nhân viên.

TT Ánh Dương có chính sách cho nhân viên mượn tiền quỹ bảo hiểm xã hội (không mượn quá 70% quỹ bảo hiểm xã hội của mình có), trả dần hàng tháng. Tổng số tiền nhân viên tạm ứng đến ngày 31/12/2012 là: 57.000.000 đồng.

3.4. Hoạt động tín dụng

Hoạt động cho vay vẫn được thực hiện thông qua các nhóm. Tiền cho vay hỗ trợ kinh tế được nâng lên tới mức tối đa là 4.000.000đ. Bên cạnh đó để tạo công ăn việc làm cho người dân, dự án cũng tiếp tục hỗ trợ cho các cá nhân được vay tới mức tối đa là 25.000.000đ với lãi suất cho vay là 1%/tháng. Năm 2012, TT Ánh Dương tập trung vào chương trình hộ khó khăn cho vay vốn không lãi và có lãi 1% từ vòng 7 đối với những hộ vay có hoàn cảnh tương đối khá và có nhu cầu vay vốn để chăn nuôi, trồng trọt hay buôn bán nhỏ.

Tình hình nợ tín dụng như sau:

3.4.1 Cấp tín dụng

	Tổng cộng	Chương trình kinh tế	Chương trình xã hội
Tại 31/12/2012	1.899.850.000	1.899.850.000	
a) Vay đặc biệt:	32.500.000	32.500.000	
- Vốn tạo việc làm	32.500.000	32.500.000	
b) Vay hộ khó khăn:	1.867.350.000	1.867.350.000	

3.4.2 Thu nhập từ hoạt động tín dụng năm 2012:

- Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn:	27.126.100 đ
- Thu lãi từ hoạt động tín dụng:	18.175.000 đ

3.4.3. Thu trợ cấp khác

- Thu lãi từ tiền quỹ bảo hiểm xã hội cho vay:	6.073.000 đ
- Thu khác:	21.898.767 đ

3.5. Chi phí cho hoạt động

Trong năm 2012, trung tâm Ánh Dương đã thực hiện các chương trình của Dự Án với các khoản chi phí như sau:

Nội dung chi phí		Số tiền (VNĐ)
1. Chi phí nguyên liệu:		47,938,000
1.1 Chi phí hàng thủ công	47,938,000	
2. Chi phí vật liệu khác, công cụ nhỏ		90,696,100
2.1 Chi phí văn phòng phẩm	11,701,100	
2.2 Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	43,601,000	
2.3 Chi phí máy vi tính trường học	35,394,000	
3. Chi phí năng lượng :		15,619,002
3.1 Chi phí gaz, điện , nước:	15,619,002	
4. Chi phí cư trú:		54,651,000
4.1 Chi phí thuê văn phòng, vật dụng văn phòng	54,651,000	
5. Chi phí sửa chữa, nhiên liệu:		247,101,750
5.1 Chi phí xăng xe và sửa chữa xe cho nhân viên công tác	247,101,750	
6. Chi phí đào tạo & dụng cụ , văn phòng phẩm		2,713,658,226
6.1 Chi phí ngày 31/05 (Ngày không hút thuốc lá)	20,770,000	
6.2 Chi phí tập huấn nhóm viên tiết kiệm tín dụng	12,296,000	
6.3 Chi phí tập huấn cộng tác viên	27,920,000	
6.4 Chi phí tập huấn lớp nông nghiệp và thú y	77,472,500	

6.5 Chi phí vật liệu giáo dục	20,849,500	
6.6 Chi phí tập huấn y tế học đường	103,354,000	
6.7 Chi mua thiết bị cho trường học	58,700,000	
6.8 Chi phí thuốc và thuốc tẩy giun cho trường học	577,500	
6.9 Chi cấp học bổng	595,300,000	
6.10 Chi phí cho đối tác	48,153,000	
6.11 Chi phí đào tạo nhân viên	122,762,513	
6.12 Chi phí diễn kịch	-	
6.13 Chi phí tập huấn đội kịch	-	
6.14 Chi phí mua thuốc hô hấp	-	
6.15 Chi phí mua thuốc tẩm mùng chống bệnh sốt rét	-	
6.16 Chi phí hố xí sạch cộng đồng	200,800,000	
6.17 Chi phí xử lý rác	-	
6.18 Chi phí kiểm toán	2,664,000	
6.19 Chi phí thẩm định mở rộng dự án	10,000,000	
6.20 Chi phí tập huấn phụ nữ	60,622,500	
6.21 Chi phí cho hộ khó khăn	109,180,500	
6.22 Chi phí làm cầu đường	1,144,850,000	
6.23 Chi phí thu gom bao nylon	1,000,000	
6.24 Tập huấn hàng thủ công	44,516,213	
6.25 Chi phí cho giáo viên anh văn	-	
6.26 Tập huấn cho trung tâm vi tính	2,500,000	
6.27 Chi phí khấu hao tài sản	49,370,000	
7. Chi phí khác :		22,620,700
7.1 Chi phí linh tinh	22,620,700	
8. Chi phí di chuyển và dịch vụ khác :		138,917,555
8.1 Chi phí vận chuyển	2,990,000	
8.2 Chi phí công tác nhân viên	75,762,000	
8.3 Chi phí điện thoại, fax, gửi thư	60,165,555	
9. Chi phí nhân viên :		2,187,002,400
9.1 Chi phí lương nhân viên	1,717,963,000	
9.2 Chi phí lương và chi khác cho CTV	297,232,000	
9.3 Chi phí bảo hiểm tai nạn cho nhân viên	11,870,000	
9.4 Chi phí BHXH cho nhân viên	159,937,400	
10. Chi phí tài chính:		255,885
10.1 Chi phí ngân hàng 74	-	
10.2 Chi phí ngân hàng 76	-	
10.3 Chi phí ngân hàng 77	65,287	
10.4 Chi phí tài chính	190,598	
10.5 Chênh lệch tỷ giá	-	
Tổng cộng		5,518,460,618

4. Nguồn tài trợ :

4.1. Các nguồn tài trợ nhận được trong năm 2012 :

Stt	Tên tổ chức & cá nhân tài trợ	Tiền VNĐ
1	Viet Nam Plus VN	225,064,613
2	Private Donations	13,392,000
3	Mekong Plus	2,726,000,000
4	American Embassy	346,857,000
5	Ngân hàng HSBC	118,037,000
6	Nhận tài trợ từ Fontana Foudation	512,717,850
7	Tổ chức BBGV- CHARITY FUND	194,771,833
8	Đại sứ quán Pháp	894,736,842
9	Tổ chức Partage	133,327,949
10	Association Europe Tiers Monde (Luxembourg)	539,901,571
	Tổng cộng	5.704.806.658

TP.HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Quyền Giám đốc

Hồ Thị Kim Chúc